

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 51/2025/NQ-HĐQT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

V/v: Điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành và các Văn bản hướng dẫn thi hành;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 11;

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/11/2024;

Hợp đồng tín dụng số 01/2023/177782/HĐTD ngày 18/12/2023 giữa Ngân hàng BIDV chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Sông Đà 11;

Hợp đồng tín dụng số 306369.25. 003.2605491. TD ngày 30/05/2025 giữa Ngân hàng MB Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty Cổ phần Sông Đà 11;

Hợp đồng tín dụng số CLC-23661-01 ngày 05/08/2024 giữa Ngân hàng Vpbank - Chi nhánh Kinh Đô và Công ty Cổ phần Sông Đà 11;

Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 08/10/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần (cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/11/2024 như sau:

1. Phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua:

STT	Phương án sử dụng vốn	Dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (đồng)	Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần
1	Đầu tư vốn mua cổ phần của Công ty CP Thủy điện Phúc Long	145.000.000.000	Trong Quý I và II năm 2025
2	Bổ sung nguồn vốn để thanh toán nợ vay ngân hàng. (thanh toán nợ vay Ngân hàng BIDV theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/177782/HĐTD ngày 18/12/2023	90.644.929.000	Trong Quý I và II năm 2025
3	Tổng cộng	235.644.929.000	

2. Phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán sau khi thay đổi dự kiến như sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Dự kiến thanh toán từ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán	Ghi chú
	<i>Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán</i>	<i>205.806.757.000</i>	
<i>1</i>	<i>Đầu tư vốn mua cổ phần của Công ty CP Thủy điện Phúc Long</i>	<i>145.000.000.000</i>	<i>Thực hiện trong Quý IV/2025</i>
<i>2</i>	<i>Bổ sung nguồn vốn để thanh toán nợ vay ngân hàng.</i>	<i>60.805.657.000</i>	
<i>2.1</i>	<i>Thanh toán nợ vay Ngân hàng BIDV theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/177782/HĐTD ngày 18/12/2023</i>	<i>37.018.397.297</i>	<i>Trả gốc vay đến hạn đến Quý IV/2025</i>
<i>2.2</i>	<i>Thanh toán nợ vay Ngân hàng MB - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 306369.25. 003.2605491. TD ngày 30/05/2025</i>	<i>19.751.633.074</i>	<i>Trả nợ gốc đến hạn trong quý IV/2025</i>
<i>2.3</i>	<i>Thanh toán nợ vay Ngân hàng Vpbank - Chi nhánh Kinh Đô theo Hợp đồng tín dụng số CLC-23661-01 ngày 05/08/2024</i>	<i>4.035.626.629</i>	<i>Trả nợ gốc đến hạn trong tháng 10/2025</i>
3	Tổng cộng	205.805.657.000 (*)	

(*) Ghi chú: Phí chuyển khoản từ VSDC sang tài khoản phong tỏa của Công ty: 1.100.000, đồng do vậy số tiền về tài khoản của Công ty là: 205.805.657.000 đồng

Lý do thay đổi:

- Số tiền thu được từ đợt chào bán thấp hơn 29.838.172.000 đồng so với Phương án chào bán
- Do thời gian thực hiện chào bán cổ phiếu của đợt chào bán kéo dài dẫn đến một số khoản đến hạn thanh toán của Ngân hàng BIDV – CN Hoàn Kiếm Công ty đã lấy nguồn thu từ kinh doanh, từ nguồn vốn vay khác để thanh toán. Do vậy, Công ty điều chỉnh nhằm phân bổ hợp lý nguồn vốn huy động để thanh toán cho nhiều khoản vay đến hạn tại các ngân hàng khác nhau, điều này giúp Công ty:

- ✓ Đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay đúng hạn theo các Hợp đồng cấp tín dụng giữa Công ty với các tổ chức tín dụng;
- ✓ Phù hợp với tình hình vay vốn thực tế và kế hoạch trả nợ của Công ty.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao/ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty quyết định, thực hiện toàn bộ các thủ tục/công việc cần thiết có liên quan theo quy định của Công ty và pháp luật để triển khai và hoàn tất việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo Điều 1 Nghị quyết này (bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc lập/ký Báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước, thực hiện các thủ tục báo cáo, công bố thông tin và các thủ tục có liên quan theo quy định tại Ủy ban chứng khoán nhà nước và/hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và triển khai việc sử dụng vốn theo phương án phê duyệt của Hội đồng quản trị tại Điều 1 Nghị quyết này.

Thời gian ủy quyền: Việc ủy quyền theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ban hành Nghị quyết này cho tới khi Công ty hoàn tất việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn và hoàn thành việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán hoặc khi có văn bản thay thế/hủy bỏ của Hội đồng quản trị Công ty tùy sự kiện nào xảy ra trước.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng/Ban/đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/hiện);
- BKS; CBTT;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Luân

★ C P ★ ION

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 256/BC-SJE-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành số 147/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/6/2025, Quyết định 424/QĐ-UBCK Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/07/2025 về việc gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu SJE)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty cổ phần Sông Đà 11
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, số 131 đường Trần Phú, Phường Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
3. Điện thoại: 024-3354 4735 Fax: 024-3354 2280 Website: <https://songda11.com.vn/>
4. Vốn điều lệ: 241.687.110.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi một tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, một trăm mười một ngàn đồng).
5. Mã cổ phiếu (nếu có): SJE
6. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm. Số hiệu tài khoản: 8600 929 999
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303000212 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (cũ) cấp lần đầu ngày 21/09/2004 và thay đổi lần thứ 22 số 0500313811 10/04/2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.
 - **Ngành nghề kinh doanh chính:** Truyền tải và phân phối điện (mã ngành: 3512), Sản xuất điện (mã ngành: 3511), Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (mã ngành: 6618),...
 - **Sản phẩm, dịch vụ chính:**
 - + Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông;
 - + Sản xuất điện;
 - + Truyền tải và phân phối điện;
 - + Kinh doanh bất động sản; - Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí,...

8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không có.

II. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

1. Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 11
2. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
4. Số lượng chứng khoán đã phát hành: 15.831.289 cổ phần
5. Tổng số tiền huy động: 205.806.757.000 đồng
6. Ngày kết thúc đợt chào bán: 03/10/2025
5. Tổng vốn/số tiền đã huy động: 205.806.757.000 đồng, trong đó phần vốn/số tiền huy động cho dự án: 0 đồng.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

1. Phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua:

STT	Phương án sử dụng vốn	Dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (đồng)	Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần
1	Đầu tư vốn mua cổ phần của Công ty CP Thủy điện Phúc Long	145.000.000.000	Trong Quý I và II năm 2025
2	Bổ sung nguồn vốn để thanh toán nợ vay ngân hàng. (thanh toán nợ vay Ngân hàng BIDV theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/177782/HĐTD ngày 18/12/2023	90.644.929.000	Trong Quý I và II năm 2025
3	Tổng cộng	235.644.929.000	

2. Phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán sau khi thay đổi dự kiến như sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Dự kiến thanh toán từ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán	Ghi chú
	<u>Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán</u>	205.806.757.000	
1	Đầu tư vốn mua cổ phần của Công ty CP Thủy điện Phúc Long	145.000.000.000	Thực hiện trong Quý IV/2025
2	Bổ sung nguồn vốn để thanh toán nợ vay ngân hàng.	60.805.657.000	

STT	Phương án sử dụng vốn	Dự kiến thanh toán từ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán	Ghi chú
2.1	Thanh toán nợ vay Ngân hàng BIDV theo Hợp đồng tín dụng số 01/2025/177782/HĐTD ngày 22/01/2025	37.018.397.297	Trả gốc vay đến hạn từ Quý IV/2025
2.2	Thanh toán nợ vay Ngân hàng MB - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 306369.25. 003.2605491. TD ngày 30/05/2025	19.751.633.074	Trả nợ gốc đến hạn trong quý IV/2025
2.3	Thanh toán nợ vay Ngân hàng Vpbank - Chi nhánh Kinh Đô theo Hợp đồng tín dụng số CLC-23661-01 ngày 05/08/2024	4.035.626.629	Trả nợ gốc đến hạn trong tháng 10/2025
3	Tổng cộng	205.805.657.000 (*)	

(*) Ghi chú: Phí chuyển khoản từ VSDC sang tài khoản phong tỏa của Công ty: 1.100.000, đồng do vậy số tiền về tài khoản của Công ty là: 205.805.657.000 đồng

Lý do thay đổi:

- Số tiền thu được từ đợt chào bán thấp hơn 29.838.172.000 đồng so với Phương án chào bán
- Do thời gian thực hiện chào bán cổ phiếu của đợt chào bán kéo dài dẫn đến một số khoản đến hạn thanh toán của Ngân hàng BIDV – CN Hoàn Kiếm Công ty đã lấy nguồn thu từ kinh doanh, từ nguồn vốn vay khác để thanh toán. Do vậy, Công ty điều chỉnh nhằm phân bổ hợp lý nguồn vốn huy động để thanh toán cho nhiều khoản vay đến hạn tại các ngân hàng khác nhau, điều này giúp Công ty:
 - ✓ Đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay đúng hạn theo các Hợp đồng cấp tín dụng giữa Công ty với các tổ chức tín dụng;
 - ✓ Phù hợp với tình hình vay vốn thực tế và kế hoạch trả nợ của Công ty.

4. Căn cứ thay đổi

Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 51/2025/NQ-HĐQT ngày 08/10/2025 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn.

5. Phương án thay đổi được công bố thông tin bổ trên trang điện tử Công ty vào ngày 08/10/2025 tại đường dẫn: <https://songda11.com.vn/quan-he-co-dong>.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Quang Luân





HỢP ĐỒNG CẤP TÍN DỤNG

Số: 306369.25.003.2605491.TD

Ngày 30 / 05 / 2025, các Bên gồm:

I. BÊN CẤP TÍN DỤNG

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

Đại diện: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh Thanh Xuân

GCN ĐKKD: 0100283873-002 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/03/2007, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 05/04/2021

Địa chỉ: Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà Gold Tower, số 275 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.38545459 Fax: 024.38540414 Email:

Do ông, bà: Đỗ Quang Hoàn

Chức vụ: CBH là đại diện hợp pháp.

Ủy quyền: 9117 / UQ-HS ngày 19 / 10 / 2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

(Sau đây gọi tắt là "MB")

II. BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG

Công ty cổ phần Sông Đà 11

GCN ĐKKD/Quyết định thành lập/Mã số DN: 0500313811 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 10/04/2025

Địa chỉ: Tầng 7 tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, số 131 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax: Email:

Do ông/bà: Le Anh Tuấn

Chức vụ: TKĐ là đại diện hợp pháp.

Ủy quyền:

(Sau đây gọi tắt là "Khách Hàng")

Căn cứ Thỏa thuận chung trong việc cấp và sử dụng tín dụng tại MB, số **306370.25.003.2605491.TT** ngày 30 tháng 05 năm 2025 (sau đây gọi chung là "Thỏa thuận chung").

Các bên đồng ý giao kết Hợp đồng cấp tín dụng với nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CẤP TÍN DỤNG

1. HẠN MỨC TÍN DỤNG (HMTD)

- Giá trị hạn mức tín dụng: **600,000,000,000 VND** (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng), trong đó:
 - Hạn mức cho vay là: **200,000,000,000 VND** (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)
 - Hạn mức bảo lãnh thanh toán là: **200,000,000,000 VND** (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)



- Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán (bao gồm: Bảo lãnh dự thầu, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh tạm ứng, Bảo lãnh Bảo hành) là: **400,000,000,000 VND** (Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng)
- Hạn mức phát hành LC (không gồm LC xuất khẩu) là: **200,000,000,000 VND** (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)
- Giới hạn giá trị cấp tín dụng:
 - + Tổng giới hạn của các hạn mức (Hạn mức cho vay; Hạn mức bảo lãnh thanh toán; Hạn mức phát hành L/C không bao gồm L/C xuất khẩu): 200,000,000,000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng).
 - + Giới hạn chưa có đầu ra: Tại mọi thời điểm giá trị hạn mức cho vay thanh toán chi phí lương (gồm thưởng + phụ cấp) tối đa 3,000,000,000 VND (Bằng chữ: Ba tỷ đồng).
 - + Giới hạn lĩnh vực: Tại mọi thời điểm giá trị hạn mức cho vay và bảo lãnh thanh toán đối với lĩnh vực thương mại vật tư tối đa 60,000,000,000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng).
 - + Giới hạn theo đầu vào/ đầu ra là cá nhân tổ chức có liên quan với Khách Hàng theo quy định của MB: Tại mọi thời điểm giá trị cho vay thanh toán cho các đơn vị liên quan tối đa 60,000,000,000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng).
- Giá trị hạn mức tín dụng đã bao gồm Dư nợ gốc (các) Khoản tín dụng của Khách Hàng theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 235336.24.003.2605491.TD ngày 08/08/2024 giao kết giữa MB và Khách Hàng.
- b. Mục đích cấp tín dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh vật tư thiết bị và thi công xây lắp điện của Khách hàng.
- c. Đồng tiền cấp tín dụng: VND hoặc ngoại tệ phù hợp quy định pháp luật.
- d. Thời hạn duy trì HMTD:
Kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến ngày 21/05/2026.
- e. Khách Hàng sử dụng HMTD lần đầu không muộn hơn ngày 21/11/2025, trừ trường hợp MB có chấp thuận khác.
- f. Chi tiết các hình thức cấp tín dụng cụ thể theo quy định dưới đây.

2. HÌNH THỨC CẤP TÍN DỤNG CỤ THỂ

CHO VAY THEO HẠN MỨC:

- a. Số tiền cho vay: chi tiết tại văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân.
- b. Thời hạn cho vay trong thời hạn duy trì HMTD: Tối đa 10 tháng/Khế ước. Trường hợp giải ngân thanh toán theo L/C trả chậm: Thời gian cho vay tối đa bằng thời gian cho vay thông thường - (trừ) thời gian trả chậm theo LC, chi tiết thời hạn cho vay tại văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân.
- c. Lãi, phí:
 - Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: chi tiết tại văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân và Thỏa thuận chung, Hợp đồng cấp tín dụng.
 - Phí: Phí cam kết rút vốn = 5% nhân (x) Giá trị hạn mức cho vay hoặc Số tiền cho vay tại Hợp đồng Cấp tín dụng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trong mọi trường hợp không thấp hơn mức phí tối thiểu là: 2,000,000 VND (Bằng chữ: Hai triệu đồng). MB thu 1 lần tại thời điểm giải ngân đầu tiên của Hợp đồng cấp tín dụng, thu 1 lần khi cấp Hạn mức tín dụng/tái cấp Hạn mức tín dụng.



- d. Giải ngân vốn cho vay và việc sử dụng phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay: chi tiết tại văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân, Thỏa thuận chung và Hợp đồng cấp tín dụng.
- e. Việc trả nợ gốc, lãi tiền vay, đồng tiền trả nợ và thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay; trả nợ trước hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ; chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách Hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được MB chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hình thức và nội dung thông báo chuyển nợ quá hạn: chi tiết tại văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân, Thỏa thuận chung và Hợp đồng cấp tín dụng.
- f. Các trường hợp chấm dứt cho vay; thu nợ trước hạn; chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách Hàng không trả được nợ trước hạn khi MB chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn; hình thức và nội dung thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn: chi tiết tại văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân, Thỏa thuận chung và Hợp đồng cấp tín dụng.
- g. Xử lý nợ vay; phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại; quyền và trách nhiệm của các bên; trách nhiệm của Khách Hàng trong việc phối hợp với MB và cung cấp các tài liệu liên quan đến Khoản tín dụng để MB thực hiện thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Khách Hàng: chi tiết tại văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân, Thỏa thuận chung và Hợp đồng cấp tín dụng.

BẢO LÃNH:

- a. Bên được bảo lãnh, nghĩa vụ được bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh, loại bảo lãnh: theo từng cam kết bảo lãnh do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- b. Số tiền bảo lãnh, đồng tiền bảo lãnh, thời hạn bảo lãnh: theo từng cam kết bảo lãnh do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- c. Hình thức phát hành cam kết bảo lãnh: xác định theo từng lần đề nghị phát hành bảo lãnh của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- d. Phí: xác định theo từng lần đề nghị phát hành bảo lãnh của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- e. Ký quỹ: xác định theo từng lần đề nghị phát hành bảo lãnh của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- f. Thỏa thuận về bắt buộc nhận nợ trả thay, thời hạn hoàn trả nợ khi phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng cấp tín dụng và các văn bản khác (nếu có).
- g. Lãi suất áp dụng đối với số tiền trả thay và nghĩa vụ (Lãi suất cho vay bắt buộc): Lãi suất cho vay bắt buộc do MB xác định, bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn của MB đang áp dụng đối với khoản vay có thời hạn tương ứng của Khách hàng doanh nghiệp hoặc theo mức lãi suất nhận nợ bắt buộc theo quy định của MB từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật (tùy theo mức nào cao hơn).
- h. Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, các quy định pháp luật áp dụng: theo từng cam kết bảo lãnh do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- i. Quyền và nghĩa vụ của các bên; giải quyết tranh chấp phát sinh và các nội dung khác: quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng cấp tín dụng và các văn bản khác (nếu có).

PHÁT HÀNH THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT – “LC”):

- a. Số tiền phát hành LC (“Giá trị LC phát hành”), đồng tiền phát hành LC: Theo từng thư tín dụng do MB phát hành trên cơ sở đề nghị của Khách Hàng được MB chấp thuận.
- b. Loại thư tín dụng: xác định theo từng lần đề nghị phát hành LC được MB chấp thuận.
- c. Thời hạn cấp tín dụng: khoảng thời gian được xác định từ ngày tiếp theo ngày phát hành thư tín



- dụng cho đến ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng nhưng không vượt quá thời hạn hoạt động hợp pháp còn lại của MB và Khách Hàng.
- d. Phí: xác định theo từng lần đề nghị phát hành LC được MB chấp thuận.
 - e. Ký quỹ: xác định theo từng lần đề nghị phát hành LC được MB chấp thuận.
 - f. Nhận nợ bắt buộc, trích tài khoản ký quỹ, tài khoản tiền gửi (nếu có): quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng cấp tín dụng và các văn bản khác (nếu có).
 - g. Lãi suất áp dụng đối với số tiền trả thay và nghĩa vụ (Lãi suất cho vay bắt buộc): quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng cấp tín dụng và các văn bản khác (nếu có).
 - h. Nguồn tiền thanh toán hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ: được xác định theo từng lần đề nghị phát hành LC. Khách Hàng có trách nhiệm tự cân đối nguồn ngoại tệ để thanh toán LC; trường hợp LC thanh toán bằng vốn tự có, Khách Hàng cam kết chuyển đủ số tiền thanh toán trong vòng 03 (ba) ngày làm việc trước ngày đến hạn thanh toán quy định trong LC hoặc theo thông báo của MB.
 - i. Mua bán ngoại tệ (nếu có): quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng cấp tín dụng, các thỏa thuận về mua bán ngoại tệ (nếu có).
 - j. Quyền và nghĩa vụ của các bên; giải quyết tranh chấp phát sinh và các nội dung khác: quy định chi tiết tại Thỏa thuận chung, Hợp đồng cấp tín dụng và các văn bản khác (nếu có).
 - k. **Áp dụng quy tắc, tập quán quốc tế:** LC do MB phát hành, quyền và nghĩa vụ các bên và các quy định liên quan đến LC sẽ được điều chỉnh theo tập quán thương mại quốc tế phù hợp với đề nghị phát hành LC của Khách hàng được MB chấp thuận.

ĐIỀU 2. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ

Các bên thống nhất việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này như sau:

- a. Tài sản bảo đảm:
 - Theo Danh mục tài sản bảo đảm tại Hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), chi tiết việc bảo đảm được quy định tại hợp đồng bảo đảm ký giữa MB và Bên bảo đảm.
 - Bảo lãnh của bên thứ ba và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác (nếu có).
 - Các tài sản theo quy định tại Thỏa thuận chung.
 - Các tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm khác theo thỏa thuận/cam kết của Bên bảo đảm với MB.
- b. MB được thuê bên thứ ba định giá hoặc tự định giá lại tài sản bảo đảm, đánh giá lại Bên bảo lãnh định kỳ hoặc đột xuất theo nghiệp vụ của MB. Chi phí, phí định giá lại tài sản bảo đảm, đánh giá lại bên bảo lãnh trong trường hợp bên thứ ba thực hiện do Khách Hàng chi trả.
- c. Duy trì giá trị tài sản bảo đảm/Biện pháp bảo đảm:
 - Khách Hàng phải duy trì giá trị tài sản bảo đảm sao cho toàn bộ Dư nợ và số dư bảo lãnh, cam kết phát hành dưới hình thức thư tín dụng chứng từ được bảo đảm bằng tài sản tại mọi thời điểm luôn nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) tổng giá trị (Σ) của (Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa tương ứng với (từng) loại tài sản bảo đảm nhân với (x) giá trị của tài sản bảo đảm đó). Nếu không đảm bảo tỷ lệ này, Khách Hàng có trách nhiệm giảm bớt dư nợ hoặc bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm được MB chấp thuận theo thông báo của MB. Trường hợp Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm thì Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa theo thông báo của MB hoặc thỏa thuận giữa các bên.
 - Việc xác định Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính so với giá trị tài sản bảo đảm trên đây không áp dụng để xác định phạm vi, giá trị nghĩa vụ được bảo đảm. Việc xác định phạm vi, giá trị nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định tại các Hợp đồng bảo đảm ký kết giữa MB và bên bảo đảm.



- Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa được xác định bằng $(=) \frac{\sum((\text{Dư nợ} + \text{Số dư bảo lãnh, cam kết phát hành dưới hình thức thư tín dụng chứng từ})}{\text{giá trị tài sản bảo đảm}} \times 100\%$.

ĐIỀU 3. QUẢN LÝ DOANH THU VÀ NGUỒN TRẢ NỢ

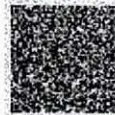
- a. Khách Hàng có nghĩa vụ quản lý và chuyển doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và phương án được MB cấp tín dụng về tài khoản của Khách Hàng mở tại MB trong suốt thời gian MB cấp tín dụng, đảm bảo:
 - Chuyển 100% dòng tiền từ các phương án MB tài trợ, phát hành bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, xác nhận cung cấp tín dụng) về tài khoản của Khách Hàng tại MB. Tần suất đánh giá: 01 tháng/lần. Kỳ đánh giá đầu tiên: 01 tháng tiếp theo kể từ tháng giải ngân đầu tiên.
 - 100% tiền của phương án được MB cấp tín dụng về tài khoản của Khách Hàng tại MB.
- b. Khách Hàng đồng ý dùng toàn bộ doanh thu theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và các nguồn trả nợ khác để trả nợ cho MB.

ĐIỀU 4. CAM KẾT VÀ THỎA THUẬN KHÁC

- a. Khách Hàng cam kết, xác nhận các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho MB trực tiếp và/hoặc qua các ứng dụng BIZ, email, các phương tiện điện tử khác bằng chính tên tài khoản đăng nhập của Khách Hàng, người đại diện của Khách Hàng và/hoặc một trong các yếu tố xác thực (mật khẩu, OTP, D-OTP, yếu tố sinh trắc học, chữ ký điện tử của Khách Hàng và/hoặc người đại diện của Khách Hàng ...) hoặc yếu tố xác thực khác đã được Khách Hàng kiểm tra, kiểm soát là thật, đầy đủ, hợp pháp và có giá trị hiệu lực.
- b. Bằng việc giao kết Hợp đồng này, Khách Hàng xác nhận đã được MB cung cấp đầy đủ và hiểu rõ thông tin về khoản tín dụng, nội dung Hợp đồng cấp tín dụng, Thỏa thuận chung, lãi suất, việc tính lãi và trả lãi, bao gồm nhưng không giới hạn: phương pháp tính lãi, nguyên tắc tính lãi và các yếu tố xác định lãi suất, lãi suất điều chỉnh, lãi suất tham chiếu, thời điểm điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản tín dụng; việc ưu đãi lãi suất và việc thanh toán tiền lãi ưu đãi trong trường hợp Khách Hàng không đáp ứng điều kiện được ưu đãi lãi suất, các nội dung khác có liên quan. Khách Hàng tại đây đồng ý: (i) chủ động cập nhật, nhận thông tin Lãi suất tham chiếu công bố trên website của MB và/hoặc các hình thức, địa chỉ khác quy định tại Hợp đồng, Thỏa thuận chung, các văn bản liên quan khác (nếu có) và đồng ý Lãi suất tham chiếu này có giá trị ràng buộc, áp dụng để xác định lãi suất điều chỉnh đối với khoản tín dụng; (ii) tính lãi, trả nợ gốc và lãi cho MB theo đúng quy định tại Hợp đồng, Thỏa thuận chung, các văn bản liên quan khác (nếu có) và (iii) thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung khác của Hợp đồng, Thỏa thuận chung, các văn bản liên quan khác (nếu có).
- c. Khách Hàng xác nhận và đảm bảo những người đại diện của Khách Hàng, người quản lý, sử dụng tài khoản truy cập (sau đây gọi chung là "người đại diện của Khách Hàng") đã được MB hướng dẫn và nhận biết đầy đủ về việc bảo mật, đảm bảo an toàn tài khoản truy cập, các thiết bị điện tử, phương tiện điện tử, các yếu tố xác thực và các yếu tố khác trong quá trình giao kết, thực hiện giao dịch điện tử, các rủi ro có thể phát sinh trong giao dịch điện tử và chủ động tìm hiểu, cập nhật các thủ đoạn và/hoặc rủi ro công nghệ khác, đồng thời thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro. Khách Hàng và người đại diện của Khách Hàng đồng ý: (i) không cung cấp, chia sẻ hoặc cho người khác sử dụng các thiết bị, tài khoản truy cập, các yếu tố xác thực và các thông tin khác; (ii) không cài đặt, không truy cập các phần mềm, ứng dụng, mã độc, các kết nối không an toàn hoặc chưa được xác thực; (iii) đọc và kiểm soát kỹ



- các nội dung trước khi giao kết trên các tài liệu, chứng từ đề nghị cấp tín dụng, giải ngân, nhận nợ và tài liệu, dữ liệu điện tử khác liên quan đến việc cấp tín dụng. Khách Hàng cam kết và đồng ý nhận nợ, trả nợ đối với số tiền MB giải ngân và chịu mọi trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào phát sinh kể cả trong trường hợp tài khoản truy cập, các thiết bị, các yếu tố xác thực và các thông tin khác của Khách Hàng và/hoặc người đại diện của Khách Hàng bị sử dụng bởi bên khác.
- d. Trong trường hợp sau đây, MB được điều chỉnh tăng lãi suất (trường hợp áp dụng lãi suất cố định) hoặc điều chỉnh tăng biên độ lãi suất (trường hợp áp dụng lãi suất điều chỉnh): khoản tín dụng của Khách Hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ; hoặc lãi suất tiền gửi VND loại lãi trả sau áp dụng đối với tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng do MB công bố cao hơn từ 10% trở lên so với thời điểm giải ngân hoặc thời điểm điều chỉnh lãi suất trước đó; hoặc khả năng trả nợ của Khách Hàng bị suy giảm hoặc có nguy cơ suy giảm theo đánh giá của MB; hoặc có thay đổi bất lợi liên quan đến tài sản bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm (như giá trị tài sản bảo đảm giảm sút; Khách Hàng hoặc Bên bảo đảm thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ mua bảo hiểm bắt buộc với tài sản bảo đảm, các trường hợp thay đổi bất lợi khác). MB sẽ thông báo cho Khách Hàng về trường hợp điều chỉnh, mức lãi suất điều chỉnh và/hoặc Biên độ lãi suất điều chỉnh theo một trong các phương thức thông báo tại Hợp đồng này, Thỏa thuận chung, các văn bản liên quan khác (nếu có). Trường hợp Khách Hàng không đồng ý việc điều chỉnh này, Khách Hàng có trách nhiệm phản hồi bằng văn bản cho MB trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo và Khách Hàng có quyền chấm dứt sử dụng khoản tín dụng, trả nợ trước hạn. Trong thời gian các bên chưa thống nhất, mức lãi suất và/hoặc Biên độ lãi suất áp dụng là mức lãi suất điều chỉnh và/hoặc Biên độ lãi suất điều chỉnh mà MB đã thông báo đến Khách Hàng.
- e. Các nội dung chưa được thỏa thuận tại Hợp đồng này được các bên thống nhất áp dụng theo Thỏa thuận chung, các văn bản có liên quan (nếu có) và quy định pháp luật.
- f. Phạt vi phạm Hợp đồng:
- Trường hợp Khách Hàng đáp ứng điều kiện cấp tín dụng của MB nhưng không sử dụng vốn thì Khách Hàng phải chịu mức phạt vi phạm = 3% nhân (x) Giá trị Hạn mức cho vay chưa sử dụng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trong mọi trường hợp không thấp hơn mức phạt tối thiểu là: 500,000 VND (Bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng)/lần. MB thu 1 lần hoặc 12 tháng cấp Hạn mức tín dụng, thu vào cuối kỳ duy trì Hạn mức tín dụng.
 - Phạt vi phạm Hợp đồng khác: Khách Hàng đồng ý mức phạt là 8% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm khi vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
 - Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt vi phạm Hợp đồng theo đúng quy định của MB.
- g. Khách hàng cam kết:
- Trường hợp MB tài trợ phương án trên cơ sở hóa đơn điện tử/hóa đơn tự in: Khách Hàng cam kết:
 - (i) giá trị hóa đơn giải ngân lần này hoặc các phương án giải ngân trong hạn mức chưa được giải ngân tại các Tổ chức tín dụng khác; (ii) chịu trách nhiệm tính chân thực của Bộ chứng từ xuất khẩu.
 - Trường hợp MB tài trợ phương án trên cơ sở tờ khai hải quan điện tử: Khách Hàng cam kết chưa thanh toán cho tờ khai hải quan điện tử tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào.
 - Khách Hàng cam kết về toàn bộ các hồ sơ thanh toán quốc tế/hồ sơ tín dụng/hồ sơ tài sản bảo đảm đã và sẽ cung cấp cho MB:
- + (Các) Tờ khai hải quan có chữ ký và đóng dấu xác nhận của Khách Hàng được xuất trình cùng với hồ sơ thanh toán quốc tế/hồ sơ cấp tín dụng/hồ sơ tài sản bảo đảm (sau đây gọi là "Tờ khai hải



quan"): (i) Được in ra từ hệ thống hải quan điện tử của Tổng cục Hải quan Việt Nam; (ii) Có thực, chính xác, hợp pháp, hợp lệ.

+ Trị giá giao dịch cần thanh toán quốc tế/cấp tín dụng/nhận tài sản bảo đảm theo Tờ khai hải quan do Khách hàng đề nghị/cung cấp là đúng mục đích, phù hợp với quy định của Pháp luật và chưa được thanh toán/chưa được cấp tín dụng/chưa được sử dụng làm tài sản bảo đảm để đảm bảo cho nghĩa vụ của Khách Hàng hoặc bên thứ ba tại bất kỳ tổ chức, cá nhân hay chi nhánh/phòng giao dịch nào của MB.

- Trường hợp MB phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng/bảo lãnh tạm ứng trên cơ sở thông báo trúng thầu, biên bản thương thảo (nếu có), Khách Hàng cam kết:

+ Thực hiện thông báo cho MB và bổ sung Hợp đồng kinh tế cho MB ngay sau khi ký Hợp đồng kinh tế.

+ Các hợp đồng, văn bản thỏa thuận với đối tác quy định tài khoản thanh toán duy nhất của Khách Hàng mở tại MB.

- Trường hợp hết thời hạn bảo hiểm đối với Tài sản bảo đảm mà Khách Hàng chưa/không thực hiện mua bảo hiểm, thì Lãi suất cho vay bằng (=) lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng (+) 0,5%/năm (không phẩy năm phần trăm/năm). Thời điểm điều chỉnh lãi suất là ngày thứ 11 kể từ ngày hết hạn bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm.

- Sau khi Khách Hàng hoàn thành việc mua bảo hiểm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm: Lãi suất cho vay bằng (=) mức lãi suất cho vay trong hạn hoặc lãi suất cho vay ưu đãi (nếu còn thời hạn ưu đãi lãi suất) theo từng văn bản nhận nợ. Thời điểm điều chỉnh lãi suất là ngày thứ 03 kể từ ngày Khách Hàng hoàn thành việc mua bảo hiểm.

- Khách Hàng cam kết:

+ Trường hợp Khách Hàng là Nhà thầu chính và phương án có sử dụng nhà thầu phụ, Khách Hàng cam kết tuân thủ quy định pháp luật về việc sử dụng, quản lý nhà thầu phụ.

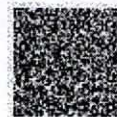
+ Trường hợp Khách hàng sử dụng tiền tạm ứng hình thành Hợp đồng tiền gửi, MB có quyền tự động tất toán toàn bộ Hợp đồng tiền gửi được hình thành từ nguồn tiền tạm ứng của phương án để thực hiện các nghĩa vụ của Khách hàng liên quan đến việc cấp bảo lãnh của MB.

+ Khách hàng cam kết về việc nguồn tiền thanh toán của dự án về tài khoản MB và không thay đổi tài khoản nếu không có sự đồng ý của MB.

+ Trường hợp MB phát hành bảo lãnh tạm ứng, MB phong tỏa toàn bộ tiền tạm ứng được chuyển về tài khoản thanh toán của Khách hàng tại MB và chỉ giải tỏa khi Khách hàng cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định MB.

+ Trường hợp MB phát hành bảo lãnh dựa trên thông báo trúng thầu/thương thảo hợp đồng/Thông báo nhận hồ sơ thầu và trao hợp đồng/văn bản thỏa thuận khác có giá trị tương đương, Khách hàng cam kết tài khoản thanh toán quy định trên Hợp đồng ký kết với đối tác đầu ra là tài khoản tại MB và không thay đổi tài khoản nếu không có sự đồng ý của MB.

+ Trường hợp tại thời điểm phát hành Bảo lãnh thanh toán Khách hàng cam kết không vay, khi Bảo lãnh thanh toán phát sinh thành nghĩa vụ dư nợ, nếu cân đối dư nghĩa vụ và Tài sản bảo đảm của Khách hàng tại MB chưa đảm bảo thì Khách hàng có trách nhiệm bổ sung thêm Tài sản bảo đảm độc lập bao gồm tiền ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và giấy tờ có



- giá do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành, trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc, LC quốc phòng được bảo đảm bằng tiền ký quỹ, bảo lãnh của Cục Tài chính – Bộ Quốc phòng hoặc Ngân sách Quốc phòng, các tài sản bảo đảm còn lại thuộc đối tượng được nhận bảo đảm theo quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng TMCP Quân đội từng thời kỳ (không bao gồm Hàng hóa/quyền đòi nợ do Khách hàng quản lý)/nhận nợ bắt buộc/ xử lý Tài sản bảo đảm thu hồi nợ trước hạn... và MB có quyền xem xét tăng lãi suất/thu phí phạt do vi phạm cam kết.
- h. Các nội dung cam kết, thỏa thuận khác:
- + Khách Hàng cam kết: Không thế chấp tại tổ chức tín dụng khác: (1) Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển và hoặc (2) Toàn bộ khoản phải thu/quyền đòi nợ luân chuyển và hoặc (3) Hàng hóa, khoản phải thu/quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB cấp tín dụng và hoặc đang thế chấp tại MB.
 - + Khách hàng cam kết hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - + Khách hàng cung cấp chi tiết 131, 331 năm gần nhất.
 - + Các nội dung khác theo quy định MB từng thời kỳ.

ĐIỀU 5. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

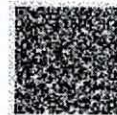
- a. Hợp đồng cấp tín dụng này và Thỏa thuận chung tạo thành một thỏa thuận thống nhất giữa MB và Khách hàng trong việc cấp và sử dụng tín dụng. Các bên thống nhất và cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng và Thỏa thuận chung. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của Thỏa thuận chung với Hợp đồng cấp tín dụng về cùng một vấn đề thì sẽ ưu tiên áp dụng theo quy định của Hợp đồng cấp tín dụng.
- b. Các tài liệu, văn bản liên quan đến Hợp đồng này như: Phụ lục/Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng, văn bản nhận nợ; đề nghị về việc phát hành bảo lãnh, phát hành thư tín dụng (LC); thông báo thu hồi nợ trước hạn, thông báo nhận nợ bắt buộc và các văn bản, tài liệu liên quan khác để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng cấp tín dụng này.
- c. Hợp đồng được áp dụng, điều chỉnh theo quy định pháp luật Việt Nam và giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam.
- d. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ghi tại phần đầu Hợp đồng này và chỉ hết hiệu lực khi Khách Hàng đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với MB. Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý tại thời điểm hết hiệu lực trừ trường hợp các bên thỏa thuận khác. Trường hợp nghĩa vụ của Khách Hàng với MB được phục hồi, thì Hợp đồng này được tiếp tục có hiệu lực cho đến khi nghĩa vụ được phục hồi thực hiện xong.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Anh Trinh



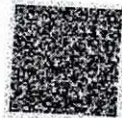
GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ
Đỗ Quang Toàn



DANH MỤC TÀI SẢN BẢO ĐẢM

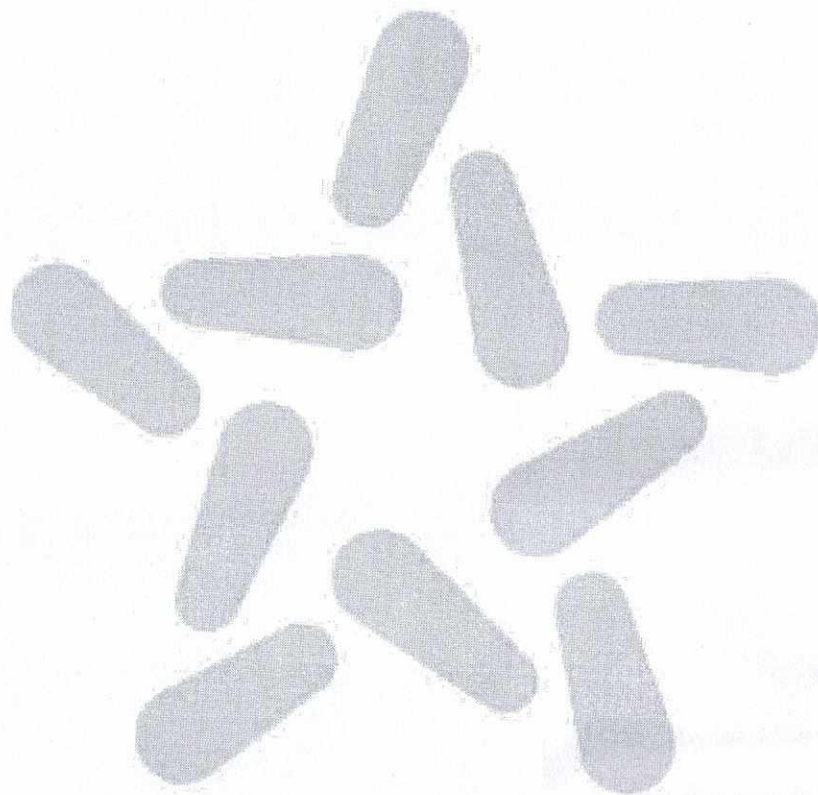
Căn cứ Điều 2 Hợp đồng cấp tín dụng, danh mục tài sản bảo đảm như sau:

STT	Loại tài sản	Đặc điểm	Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ Tài chính tối đa
1	Bất động sản	Bất động sản là văn phòng làm việc, tầng 7, địa chỉ: Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Số phát hành: CI 938322; Sổ vào sổ cấp GCN: CT-DA 01470; Cơ quan cấp: Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội; Cấp ngày: 28/08/2017 thuộc sở hữu của khách hàng	75%
2	Hàng hóa, quyền đòi nợ	Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB cấp tín dụng theo Hợp đồng xây lắp số 2401/500NDI-PN/XL61-201 ngày 17/01/2024 và các phụ lục kèm theo (nếu có)	Theo quy định MB từng thời kỳ
3	Hàng hóa, quyền đòi nợ	Hàng hóa, quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 235374.24.003.2605491.BD ngày 08/08/2024 và các phụ lục kèm theo (nếu có)	Theo quy định MB từng thời kỳ
4	Hàng hóa, quyền đòi nợ	Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB cấp tín dụng theo Hợp đồng xây lắp số 72/2024/HĐXL-CPMB ngày 29/01/2024 và các phụ lục kèm theo (nếu có)	Theo quy định MB từng thời kỳ
5	Hàng hóa, quyền đòi nợ	Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB cấp tín dụng theo Hợp đồng nguyên tắc số 45/HĐNT/SĐ11-VITASCO ngày 26/04/2024 và các phụ lục, đơn hàng kèm theo (nếu có)	Theo quy định MB từng thời kỳ
6	Hàng hóa, quyền đòi nợ	Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB cấp tín dụng theo Hợp đồng xây lắp số 10/2024/HĐXL-CPMB ngày 18/01/2024 và các phụ lục kèm theo (nếu có)	Theo quy định MB từng thời kỳ
7	Hàng hóa, quyền đòi nợ	Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB cấp tín dụng theo Hợp đồng số 953/2024/HĐ-ALĐ-SĐ11 ngày 31/05/2024 và các phụ lục kèm theo (nếu có)	Theo quy định MB từng thời kỳ



TH XUAN

T.C.P ★



HỢP ĐỒNG CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG

Số: CLC-23661-01

Căn cứ vào Thư thông báo tín dụng số 160724-SDM ngày 16/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thư thông báo tín dụng này (nếu có)

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này được lập bởi và giữa Các Bên vào ngày 05/08/2024.

▪ **NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯƠNG (VPBANK) - CHI NHÁNH KINH ĐÔ**

- Đại diện theo ủy quyền: Ông/Bà: *Nguyễn Minh Dân* Chức vụ: *Giám đốc*
- Thông tin khác: Theo Thỏa Thuận Khung

Sau đây gọi là **VPBank**

▪ **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

- Mã số doanh nghiệp: 0500313811 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 22/03/2024 và các lần sửa đổi/bổ sung (nếu có)

- Địa chỉ trụ sở: Tầng 7 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, số 131 đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

- Đại diện: Ông/ Bà *LÊ ANH TRINH* Chức vụ: *Tổng Giám đốc*

Theo Văn bản ủy quyền số ngày/...../..... của

- Thông tin khác: Theo Thỏa Thuận Khung

Sau đây gọi là **Khách Hàng**

Căn cứ *Thỏa Thuận Khung Về Cấp Tín Dụng* số CLC-23661/7555018/TTK ký ngày 05/08/2024 và các *Thỏa Thuận Khung* sửa đổi của *Thỏa Thuận Khung Về Cấp Tín Dụng* (nếu có) ("*Thỏa Thuận Khung*"), VPBank và Khách Hàng cùng ký kết *Hợp Đồng Tín Dụng* là *Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng* này (sau đây gọi chung là "*Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng*") để thỏa thuận chi tiết về *Khoản Tín Dụng* hạn mức với nhiều hình thức cấp tín dụng với nội dung như sau:

Điều 1. Thông Tin Hạn Mức Tín Dụng Được Cấp

1. Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này, VPBank đồng ý cấp cho Khách Hàng một hạn mức tín dụng dưới các hình thức sau:

- ✓ Cho vay
- ✓ Bảo lãnh ngân Hàng
- ✓ Phát hành Thư tín dụng (L/C)

2. Giá trị của hạn mức tín dụng: Giá trị hạn mức tín dụng VPBank cấp cho Khách Hàng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này 190.000.000.000 VND (Bằng chữ: **Một trăm chín mươi tỷ**

đồng), trong đó:

a) Hạn mức cho vay và tương đương cho vay là: **140.000.000.000 VND** (Bằng chữ: **Một trăm bốn mươi tỷ đồng**), trong đó tương đương cho vay bao gồm:

- ✓ Bảo lãnh thanh toán;
- ✓ Phát hành Thư tín dụng, bao gồm Thư tín dụng mà VPBank không nắm quyền sở hữu Hàng hóa và Thư tín dụng dự phòng bảo lãnh tài chính cho các khoản vay của Khách Hàng;
- ✓ Xác nhận Thư tín dụng và Chấp nhận thanh toán (Ký hậu vận đơn/phát hành ủy quyền nhận hàng, ký xác nhận biên bản giao hàng hoặc phát hành bảo lãnh nhận Hàng)

b) Hạn mức cấp bảo lãnh (không bao gồm phần hạn mức thuộc tương đương cho vay) là: **190.000.000.000 VND** (Bằng chữ: **Một trăm chín mươi tỷ đồng**)

c) Hạn mức phát hành L/C (không bao gồm phần hạn mức thuộc tương đương cho vay) là: **140.000.000.000 VND** (Bằng chữ: **Một trăm bốn mươi tỷ đồng**)

Cấp tín dụng theo tiến độ hoàn thiện Tài sản bảo đảm.

Hạn mức vay và tương đương vay không Tài sản bảo đảm tối đa 10.000.000.000 VND (Bằng chữ: Mười tỷ đồng). Hạn mức đảm bảo bằng quyền đòi nợ đã hình thành và quyền đòi nợ hình thành tương lai tối đa 40.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng). Tổng hạn mức bảo đảm bằng quyền đòi nợ và hạn mức vay và tương đương vay không Tài sản bảo đảm tối đa 40.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng).

3. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: **12 tháng** (bằng chữ: **Mười hai tháng**), tính từ ngày ký kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này.

4. Mục đích cấp tín dụng:

- **Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh (bảo lãnh dự thầu, tạm ứng, thực hiện hợp đồng, bảo hành, thanh toán và các loại bảo lãnh khác), phát hành L/C (L/C trả ngay/ trả chậm/ UPAS L/C) phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình điện và kinh doanh thương mại cột thép, vật tư ngành điện.**

Điều 2. Thỏa Thuận Cụ Thể Về Cho Vay Trong Hạn Mức

1. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức.

2. Giải ngân vốn vay:

- a) Số lần giải ngân: Giải ngân nhiều lần;
- b) Thủ tục giải ngân: Mỗi lần có nhu cầu được giải ngân, Khách Hàng phải báo trước cho VPBank ít nhất 02 ngày làm việc và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, các giấy tờ khác theo yêu cầu của VPBank, đồng thời ký Khế ước nhận nợ và các giấy tờ liên quan theo yêu cầu của VPBank;
- c) Phương thức giải ngân: Thực hiện theo thỏa thuận của Các Bên tại mỗi lần vay vốn và được

quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ ký kết giữa Các Bên;

- d) Điều kiện giải ngân: Không giải ngân cho Đơn vị thụ hưởng thuộc Nội bộ nhóm Khách Hàng của Khách Hàng theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ, trừ trường hợp được VPBank chấp thuận.
3. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá **9 tháng**, đối với giải ngân thanh toán UPAS L/C: tối đa 9 tháng – thời hạn trả chậm UPAS L/C, thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần Khách Hàng nhận nợ vốn vay.
4. Thời hạn rút vốn vay: Khách Hàng phải thực hiện đề nghị giải ngân vốn vay lần đầu chậm nhất đến ngày/...../..... Sau thời hạn này, Khách Hàng chỉ được rút vốn nếu được VPBank chấp thuận. Trường hợp Khách Hàng không rút vốn vay lần đầu trong thời hạn đã thỏa thuận hoặc Khách Hàng rút vốn sau thời hạn nêu trên và được VPBank chấp thuận, Khách Hàng phải thanh toán phí cam kết rút vốn theo quy định tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này.
5. Lãi suất, phí và các chi phí khác:
- a) Lãi suất cho vay, cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Được VPBank và Khách Hàng thỏa thuận trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Các Bên;
- b) Phí và các chi phí liên quan: Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank các khoản phí sau đây:
- (i) Phí trả nợ trước hạn;
- (ii) Phí cam kết rút vốn.
- Mức phí, thời điểm và phương thức thanh toán phí thực hiện theo quy định của VPBank từng thời kỳ.
6. Trả nợ gốc, lãi tiền vay: Khách Hàng phải thanh toán nợ gốc, tiền lãi của khoản vay cho VPBank theo đúng thời hạn quy định tại (các) Khế ước nhận nợ được ký kết giữa Các Bên và/hoặc các văn bản liên quan.

Điều 3. Thỏa Thuận Cụ Thể Về Cấp Bảo Lãnh Trong Hạn Mức

1. Phương thức cấp bảo lãnh: Hạn mức bảo lãnh.
2. Trong thời hạn duy trì hạn mức tín dụng, mỗi lần có nhu cầu được cấp bảo lãnh, Khách Hàng phải báo trước cho VPBank ít nhất 02 ngày làm việc đồng thời gửi Đề nghị phát hành bảo lãnh và các giấy tờ chứng minh nghĩa vụ bảo lãnh, các giấy tờ liên quan theo yêu cầu của VPBank. Nếu VPBank chấp thuận, VPBank sẽ thực hiện phát hành Cam kết bảo lãnh. Đề nghị phát hành bảo lãnh và Cam kết bảo lãnh là một phần không tách rời của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này.
3. Nội dung chi tiết về từng khoản bảo lãnh bao gồm nhưng không giới hạn số tiền bảo lãnh, phạm vi bảo lãnh, thời hạn bảo lãnh, loại bảo lãnh,... được quy định cụ thể tại từng Cam kết bảo lãnh do VPBank phát hành. Trường hợp có sự khác biệt về nội dung giữa Đề nghị phát hành bảo lãnh và Cam kết bảo lãnh, Các Bên đồng ý rằng nội dung trong Cam kết bảo lãnh sẽ có giá trị áp dụng

và được coi là thỏa thuận chính thức giữa Khách Hàng và VPBank.

4. Phí và các chi phí liên quan:

- a) Phí bảo lãnh: Được xác định cụ thể cho từng Cam kết bảo lãnh tại thời điểm Khách Hàng đề nghị phát hành Cam kết bảo lãnh và được ghi nhận tại Đề nghị phát hành bảo lãnh;
 - b) Phí duy trì hạn mức: Khách Hàng phải thanh toán cho VPBank mức phí duy trì hạn mức là Khách Hàng phải thanh toán cho VPBank tiền phí này theo yêu cầu của VPBank.
5. Hình thức phát hành Cam kết bảo lãnh: Theo mẫu thỏa thuận giữa Các Bên tại từng lần cấp bảo lãnh.

Điều 4. Thỏa Thuận Cụ Thể Về Phát Hành L/C Trong Hạn Mức

1. Phương thức phát hành Thư tín dụng: Phát hành Thư tín dụng theo hạn mức.
2. Mỗi lần có nhu cầu phát hành L/C thuộc hạn mức, Khách Hàng phải báo trước cho VPBank ít nhất 02 ngày làm việc đồng thời gửi Đề nghị phát hành thư tín dụng (L/C) (“Đề nghị phát hành L/C”) và các chứng từ liên quan theo yêu cầu của VPBank. Nếu VPBank chấp thuận, VPBank sẽ thực hiện phát hành L/C. Đề nghị phát hành L/C và L/C do VPBank phát hành là một phần không tách rời của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này.
3. Nội dung chi tiết về từng L/C được phát hành bao gồm nhưng không giới hạn số tiền thanh toán theo L/C, điều khoản thanh toán,... được quy định cụ thể tại từng L/C do VPBank phát hành. Trường hợp có sự khác biệt về nội dung giữa Đề nghị phát hành L/C và L/C do VPBank phát hành, Các Bên đồng ý rằng nội dung L/C do VPBank phát hành sẽ có giá trị áp dụng và được coi là thỏa thuận chính thức giữa Khách Hàng và VPBank.
4. Phí liên quan đến L/C: thực hiện theo Thỏa Thuận Khung.

Điều 5. Biện Pháp Bảo Đảm

1. Ký quỹ:

Mỗi lần đề nghị cấp bảo lãnh/ phát hành L/C, Khách Hàng sẽ ký quỹ một khoản tiền theo yêu cầu của VPBank. Tỷ lệ ký quỹ và các vấn đề liên quan đến ký quỹ sẽ được các bên thỏa thuận trong Đề nghị phát hành bảo lãnh/ Đề nghị phát hành L/C.

2. Các biện pháp bảo đảm khác:

Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác được thỏa thuận giữa VPBank với Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba (nếu có) theo các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên (nếu có).

Điều 6. Thỏa Thuận Khác

1. Trường hợp xảy ra sự kiện vi phạm nêu tại khoản 2 Điều 6 của Thỏa Thuận Khung và VPBank áp dụng biện pháp tăng lãi suất cấp tín dụng, Các Bên thống nhất rằng VPBank có

quyền điều chỉnh lãi suất cho vay tại tất cả (các) Khế ước nhận nợ của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này theo nguyên tắc sau:

- a) Mức lãi suất cho vay áp dụng được xác định như sau:
- Đối với trường hợp Khách Hàng hoặc bên thứ ba liên quan mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm nhưng không theo đúng điều kiện, yêu cầu của VPBank: Mức lãi suất cho vay áp dụng được xác định bằng mức lãi suất cho vay trong hạn (được hiểu bao gồm cả mức lãi suất cho vay sau khi đã điều chỉnh) theo quy định tại (các) Khế ước nhận nợ (+) cộng thêm 0,5%/năm;
 - Đối với trường hợp Khách Hàng hoặc bên thứ ba liên quan không hoặc chậm thực hiện mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm: Mức lãi suất cho vay áp dụng được xác định bằng mức lãi suất cho vay trong hạn (được hiểu bao gồm cả mức lãi suất cho vay sau khi đã điều chỉnh) theo quy định tại (các) Khế ước nhận nợ (+) cộng thêm 2%/năm (sau đây gọi là “Lãi suất cộng thêm”);
 - Mức lãi suất cho vay mới được áp dụng từ ngày làm việc thứ 13 của tháng liền kề (tháng T+1) với tháng mà Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba liên quan phải hoàn thành nghĩa vụ mua bảo hiểm (tháng T).
- b) Đối với trường hợp Khách Hàng hoặc bên thứ ba liên quan không hoặc chậm thực hiện mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm, nếu Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba liên quan hoàn thành nghĩa vụ mua bảo hiểm sau thời điểm VPBank thực hiện điều chỉnh lãi suất theo quy định tại Điểm này, VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) điều chỉnh lại mức lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng với Khách Hàng về mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh theo quy định tại (các) Khế ước nhận nợ (là mức lãi suất được xác định theo nguyên tắc nêu tại Điểm a) Khoản này và trừ đi Lãi suất cộng thêm). Trường hợp VPBank thực hiện việc điều chỉnh, mức lãi suất cho vay sau điều chỉnh được áp dụng từ ngày làm việc thứ 13 của tháng liền kề (tháng T+1) với tháng mà Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba liên quan đã hoàn thành nghĩa vụ mua bảo hiểm (tháng T).
- c) Các Bên thống nhất rằng khi phát sinh sự kiện điều chỉnh lãi suất nêu trên, VPBank sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và sẽ thông báo cho Khách Hàng theo quy định của pháp luật. Khách Hàng chấp thuận mức lãi suất mới kể từ thời điểm VPBank thực hiện việc điều chỉnh và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được điều chỉnh.”
- d) Mức lãi suất cho vay điều chỉnh quy định tại Điểm a) Khoản này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điều kiện giao dịch chung, các mức lãi suất này BẢNG chính mức lãi suất năm tương ứng (lãi suất quy đổi) theo phương pháp tính lãi sử dụng:
- Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày VPBank giải ngân vốn vay đến hết ngày Khách Hàng thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho VPBank; và
 - Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi.

Để làm rõ, mức lãi suất quy đổi không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điều kiện giao dịch chung.

2. Khách Hàng cam kết toàn bộ dòng tiền từ các phương án do VPBank tài trợ phải được chuyển về tài khoản của Khách Hàng tại VPBank nhưng không thấp hơn 120% doanh số giải ngân. Định kỳ 6 tháng/ lần, VPBank thực hiện đánh giá điều kiện, nếu không đạt thực hiện tăng lãi suất theo quy định của VPBank từng thời kỳ.
3. Khách Hàng cam kết cung cấp văn bản xác nhận về việc công ty mẹ của Khách Hàng là Công ty Cổ phần Đầu tư Energy Việt Nam không có báo cáo tài chính hợp nhất/ báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2023 trước khi sử dụng hạn mức này.

Điều 7. Các Thỏa Thuận Về Cấp Tín Dụng

1. Các Bên đồng ý rằng, các thỏa thuận về cấp hạn mức tín dụng liên quan tới Khoản Tín Dụng được ghi nhận tại Thỏa Thuận Khung, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này, (các) Khế ước nhận nợ, Đề nghị phát hành bảo lãnh, Đề nghị phát hành L/C, Đề nghị chiết khấu và các tài liệu liên quan được ký kết, xác lập giữa Các Bên.
2. Các nội dung liên quan tới Khoản Tín Dụng không được quy định tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này được thực hiện theo quy định tại Thỏa Thuận Khung và các văn bản, thỏa thuận liên quan khác được ký kết giữa Các Bên.
3. Các nội dung được quy định cụ thể tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này khác với nội dung quy định tại Thỏa Thuận Khung về cùng một vấn đề thì sẽ ưu tiên áp dụng, giải thích theo quy định tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này.

Điều 8. Điều Khoản Thi Hành

1. Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này có hiệu lực kể từ ngày ký nêu tại phần đầu Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này cho đến khi hết thời hạn duy trì hạn mức tín dụng với điều kiện Khách Hàng thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với VPBank theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này.
2. Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này được lập thành 03 (ba) bản, có giá trị pháp lý như nhau, Khách Hàng giữ 01 (một) bản, VPBank giữ 02 (hai) bản.
3. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng Bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

KHÁCH HÀNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Lê Anh Trĩnh

VPBANK

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Dân